

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
THIEN VIET SECURITIES JSC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No: 11/2026/CBTT

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2026
Hanoi, 28th January, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/ To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam / *Vietnam Stock Exchange*
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh / *Ho Chi Minh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/ *Name of Organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT (TVS)/ *THIEN VIET SECURITIES JSC (TVS)*
- Mã chứng khoán/ *Securities code*: TVS
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Head office address*: Tầng 15, Tòa nhà Harec, Số 4 Láng Hạ, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội/ *15th Floor, Harec Building, 4 Lang Ha, Giang Vo Ward, Hanoi*
- Điện thoại/ *Telephone*: 028 3248 4820 Fax: 024 3248 4821
- Email: congbothongtin@tvs.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Information to be disclosed*:

Đính chính nội dung Điều 7 của Điều lệ sửa đổi ngày 13/01/2026/ *Corrections to the content of Article 7 of the amended Charter dated January 13th, 2026.*

Lý do/ *Reason*: Do sơ suất trong soạn thảo văn bản/ *Drafting error.*

Chi tiết đính chính/ *Detailed corrections*

Trước đính chính/ *Before correction*:

ĐIỀU 7. VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI
ARTICLE 7. CHARTER CAPITAL, FOREIGN OWNERSHIP RATIO

- 7.1. Vốn Điều Lệ của Công Ty là 2.244.409.090.000 (hai ngàn hai trăm bốn mươi bốn tỷ bốn trăm lẻ chín triệu không trăm chín mươi nghìn) đồng, được chia thành 224.440.909 (hai trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi nghìn chín trăm lẻ chín) cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VNĐ (mười ngàn đồng) mỗi cổ phần.
Company's charter capital is 2,244,409,090,000 (two trillion two hundred forty-four billion four hundred and nine million ninety thousand) dong, which is divided into 224,440,909 (two hundred twenty-four million four hundred forty thousand nine hundred and nine) ordinary shares with the par value of each share of VND10,000 (ten thousand dongs).

...

Sau đính chính/ After correction:

ĐIỀU 7. VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI
ARTICLE 7. CHARTER CAPITAL, FOREIGN OWNERSHIP RATIO

7.1. Vốn Điều Lệ của Công Ty là 2.244.399.170.000 (hai ngàn hai trăm bốn mươi bốn tỷ ba trăm chín mươi chín triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng, được chia thành 224.439.917 (hai trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn chín trăm mười bảy) cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VNĐ (mười ngàn đồng) mỗi cổ phần.

Company's charter capital is 2,244,399,170,000 (two trillion two hundred forty-four billion three hundred ninety-nine million one hundred and seventy thousand) dong, which is divided into 224,439,917 (two hundred twenty-four million four hundred thirty-nine thousand nine hundred and seventeen) ordinary shares with the par value of each share of VND10,000 (ten thousand dongs).

...

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/01/2026 tại đường dẫn <https://www.tvs.vn/vi/quan-he-nha-dau-tu/> This information was published on the Company's website on 28th January, 2026: <https://www.tvs.vn/en/investor-relations>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người ủy quyền CBTT
Person authorized to disclose information



Lê Thị Tuyết Nhung



ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CỦA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG	4
ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH	4
ĐIỀU 2. TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ	6
ĐIỀU 3. TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH, CHI NHÁNH VÀ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN	6
ĐIỀU 4. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	6
ĐIỀU 5. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG	7
ĐIỀU 6. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	7
CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN	7
ĐIỀU 7. VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI	7
ĐIỀU 8. CỔ PHẦN VÀ CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN KHÁC	8
ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG	8
ĐIỀU 10. CỔ PHIẾU	10
ĐIỀU 11. PHÁT HÀNH CỔ PHẦN MỚI	11
ĐIỀU 12. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN	11
ĐIỀU 13. MUA LẠI CỔ PHẦN VÀ THU HỒI CỔ PHẦN	11
CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY	13
ĐIỀU 14. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ	13
CHƯƠNG IV. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
ĐIỀU 15. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
ĐIỀU 16. TRIỆU TẬP CUỘC HỌP ĐHĐCĐ	14
ĐIỀU 17. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN	16
ĐIỀU 18. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐHĐCĐ	17
ĐIỀU 19. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP VÀ MỜI HỌP ĐHĐCĐ	17
ĐIỀU 20. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG	18
ĐIỀU 21. THỰC HIỆN QUYỀN DỰ HỌP ĐHĐCĐ	19
ĐIỀU 22. ĐIỀU KIỆN TIỀN HÀNH HỌP ĐHĐCĐ	19
ĐIỀU 24. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ TẠI CUỘC HỌP	21
ĐIỀU 25. BIÊN BẢN HỌP ĐHĐCĐ	22
ĐIỀU 26. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ BẰNG VĂN BẢN	23
ĐIỀU 27. HIỆU LỰC CỦA NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ	25
CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, VÀ BAN KIỂM SOÁT	26
ĐIỀU 28. QUYỀN HẠN VÀ THẨM QUYỀN CỦA HĐQT	26
ĐIỀU 29. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỶ CỦA HĐQT	29
ĐIỀU 30. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT	30
ĐIỀU 31. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	30
ĐIỀU 32. CUỘC HỌP VÀ NGHỊ QUYẾT HĐQT	31
ĐIỀU 33. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	34
ĐIỀU 34. BAN GIÁM ĐỐC	35
ĐIỀU 35. BAN KIỂM SOÁT	36
ĐIỀU 36. NGHĨA VỤ CỦA NHÂN SỰ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY	38
ĐIỀU 37. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN	39
CHƯƠNG VI. CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, VÀ CHI TRẢ CỔ TỨC	40
ĐIỀU 38. NĂM TÀI CHÍNH	40
ĐIỀU 39. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	40

ĐIỀU 40.	QUẢN LÝ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN.....	40
ĐIỀU 41.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	41
CHƯƠNG VII. TỔ CHỨC LẠI VÀ GIẢI THỂ		42
ĐIỀU 42.	QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÔNG TY.....	42
ĐIỀU 43.	TỔ CHỨC LẠI.....	42
ĐIỀU 44.	GIẢI THỂ.....	42
CHƯƠNG VIII. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC		42
ĐIỀU 45.	NGÀY HIỆU LỰC.....	42
ĐIỀU 46.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.....	42
ĐIỀU 47.	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ	43
ĐIỀU 48.	CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC.....	43

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025

Nghị quyết của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt số 13012026 /NQ-HĐQT ngày 13/01/2026

CHƯƠNG I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1.1. Định nghĩa

Trong Điều Lệ này, trừ khi có những quy định khác, các từ và thuật ngữ sau sẽ có nghĩa tương ứng như giải thích tại đây:

- “HĐQT”** : là hội đồng quản trị của Công Ty;
- “Chủ Tịch HĐQT”** : là thành viên HĐQT được bổ nhiệm giữ chức vụ Chủ Tịch HĐQT;
- “Thành Viên HĐQT”** : là thành viên của HĐQT;
- “Ban Kiểm Soát”** : là ban kiểm soát của Công Ty;
- “Ngày Làm Việc”** : là một ngày làm việc trừ ngày thứ Bảy, Chủ Nhật, hoặc các ngày nghỉ lễ ở Việt Nam;
- “Điều Lệ”** : là điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty được sửa đổi tùy từng thời điểm;
- “Công Ty”** : là Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt;
- “Kiểm Soát Viên”** : là thành viên của Ban Kiểm Soát;
- “Luật Chứng Khoán”** : là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- “Luật Doanh Nghiệp”** : là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày

Điều Lệ Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt

- “Luật Doanh Nghiệp”** : là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- “ĐHĐCĐ”** : là đại hội đồng Cổ Đông của Công Ty;
- “Ban Giám Đốc”** : Bao gồm Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính, và Kế Toán Trưởng;
- “Cổ Đông”** : là các tổ chức hoặc cá nhân nắm giữ cổ phần được phát hành bởi Công Ty;
- “Việt Nam”** : là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- “UBCK”** : là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- “Vốn điều lệ”** : là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công Ty và theo quy định tại Điều 7 của Điều Lệ;
- “Ngày thành lập”** : là ngày 13 tháng 12 năm 2006, ngày Công Ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;
- “Người nội bộ”** : bao gồm Chủ tịch HĐQT, các Thành Viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng, Trưởng Ban Kiểm Soát và các thành viên Ban Kiểm Soát, người phụ trách quản trị Công Ty, người được ủy quyền công bố thông tin;
- “Người có liên quan”** : là các cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 4.46 Luật Chứng Khoán, và Điều 4.23 Luật Doanh Nghiệp.
- “Sở giao dịch chứng khoán”** : là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

1.2. Giải thích

Trong Điều Lệ này, trừ khi ngữ cảnh của Điều Lệ này có quy định khác:

- (a) tài liệu sẽ bao gồm cả tài liệu được bổ sung, sửa đổi, thay thế hoặc cập nhật tùy từng thời điểm;
- (b) một người bao gồm bất cứ cá nhân, hãng, công ty, tổng công ty, chính phủ, nhà nước hoặc cơ quan nhà nước hoặc bất cứ đoàn, hội, quỹ ủy thác hoặc cộng sự (cho dù có hoặc không có tư cách pháp nhân riêng biệt) và bao gồm tham chiếu đến những người đại diện và thừa kế đích thực hợp pháp của người đó;
- (c) ngày tháng và thời gian được hiểu là ngày tháng và thời gian ở Việt Nam;
- (d) nếu một khoảng thời gian được quy định cụ thể kể từ, sau hoặc trước một ngày đã xác định hoặc vào ngày diễn ra một sự kiện hoặc một hành động nào đó, thì khoảng thời gian nói trên sẽ không bao gồm ngày đó;

- (e) nếu một công việc được quy định phải thực hiện vào ngày không phải là Ngày Làm Việc, thì công việc đó phải được thực hiện vào Ngày Làm Việc kế tiếp; và
- (f) các đề mục trong Điều Lệ này chỉ để tiện tham khảo, và không ảnh hưởng đến việc giải thích Điều Lệ này.

ĐIỀU 2. TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ

- 2.1. Công Ty là một công ty cổ phần có trách nhiệm hữu hạn và có tư cách pháp nhân theo Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- 2.2. Công Ty có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của Điều Lệ này, Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định pháp luật khác liên quan.
- 2.3. Các Cổ Đông sẽ chỉ chịu trách nhiệm về tất cả các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.

ĐIỀU 3. TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH, CHI NHÁNH VÀ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

3.1. Tên của Công Ty

- (a) Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
- (b) Tên tiếng Anh: THIEN VIET SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
- (c) Tên viết tắt: TVSC., JSC.

3.2. Địa chỉ trụ sở chính

Trụ sở chính của Công Ty đặt tại Tòa nhà HAREC số 4 phố Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3248 4820

Fax: (84-24) 3248 4821

Website: www.tvs.vn

3.3. Chi nhánh và văn phòng đại diện

Công Ty có thể mở chi nhánh, văn phòng đại diện, và/hoặc địa điểm kinh doanh ở Việt Nam và/hoặc ở nước ngoài tùy từng thời điểm, tùy thuộc vào nhu cầu kinh doanh của Công Ty.

ĐIỀU 4. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

4.1. Công Ty sẽ tiến hành thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh sau:

- (a) Môi giới chứng khoán;
- (b) Tự doanh chứng khoán;

(d) Tư vấn đầu tư chứng khoán.

- 4.2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh quy định tại Điều 4.1 trên, Công Ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Công Ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được HĐQT phê chuẩn.
- 4.3. Công Ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại Điều 4.1 trên sau khi được UBCK hoặc báo cáo UBCK bằng văn bản, tùy từng trường hợp cụ thể.

ĐIỀU 5. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

- 5.1. Thời hạn hoạt động của Công Ty là vô thời hạn bắt đầu từ ngày thành lập.
- 5.2. Mọi điều chỉnh hoặc thay đổi về thời hạn hoạt động của Công Ty phải được ĐHĐCĐ chấp thuận phù hợp với Điều Lệ này và pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 6. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

- 6.1. Công Ty có hai người đại diện theo pháp luật.
- 6.2. Chủ Tịch HĐQT và Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
- 6.3. Mỗi Người đại diện theo pháp luật của Công Ty có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm ngang nhau theo quy định của Điều Lệ này, Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định pháp luật khác liên quan. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty có quyền ủy quyền/giao quyền lại cho một hoặc một số người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình.

CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN

ĐIỀU 7. VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI

- 7.1. Vốn Điều Lệ của Công Ty là 2.244.399.170.000 (hai ngàn hai trăm bốn mươi bốn tỷ ba trăm chín mươi chín triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng, được chia thành 224.439.917 (hai trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn chín trăm mười bảy) cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VNĐ (mười ngàn đồng) mỗi cổ phần.
- 7.2. Vốn Điều Lệ có thể thay đổi khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và Điều Lệ này.
- 7.3. Công Ty có thể tăng Vốn Điều Lệ theo các cách thức phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.
- 7.4. Việc giảm Vốn Điều Lệ do ĐHĐCĐ quyết định nhưng vẫn phải bảo đảm điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định pháp luật.
- 7.5. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trong Công Ty là 49% tổng số cổ phần có quyền biểu

quyết

ĐIỀU 8. CỐ PHẦN VÀ CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN KHÁC

- 8.1. Công Ty có cổ phần phổ thông và chủ sở hữu của cổ phần phổ thông là Cổ Đông phổ thông.
- 8.2. Công Ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi theo quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Điều Lệ này và pháp luật hiện hành.
- 8.3. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
- 8.4. Số cổ phần Cổ Đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công Ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác.
- 8.5. Công Ty có thể phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi hoặc bất kỳ loại chứng khoán nào theo quy định của pháp luật hiện hành. HĐQT có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu không chuyển đổi không kèm theo chứng quyền và sẽ báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất. Riêng đối với phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, phương án phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền phải được Đại hội đồng Cổ Đông phê duyệt.

ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Ngoài các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật liên quan và Điều Lệ này, Cổ Đông còn có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- 9.1. Quyền của Cổ Đông phổ thông:
 - (a) tham dự và phát biểu ý kiến trong các ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, mỗi cổ phần phổ thông sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - (b) nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần mà Cổ Đông đó đang nắm giữ trong Công Ty tại thời điểm lập danh sách cổ đông nhận cổ tức ;
 - (c) ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà mình sở hữu tại thời điểm Công Ty phát hành cổ phần mới, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác;
 - (d) tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho Các Cổ Đông khác và/hoặc cho bất kỳ bên thứ ba nào theo Điều Lệ này và quy định của pháp luật;
 - (e) xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh Sách Cổ Đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - (f) xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ này, biên bản họp và các nghị

- (f) xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ này, biên bản họp và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - (g) khi Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần mà Các Cổ Đông đã nắm giữ trong Công Ty tại thời điểm Công Ty giải thể hoặc phá sản;
 - (h) một Cổ Đông hoặc một nhóm Các Cổ Đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền bổ sung như sau: đề cử các ứng viên vào HĐQT và Ban Kiểm Soát theo quy định của Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và pháp luật Việt Nam.
 - (i) một Cổ Đông hoặc một nhóm Các Cổ Đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền bổ sung như sau:
 - i. xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán của Việt Nam, và các báo cáo của Ban Kiểm Soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;
 - ii. yêu cầu triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ khi:
 - HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ Đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; hoặc
 - Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá sáu (06) tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế.
 - iii. yêu cầu Ban Kiểm Soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
 - (j) một Cổ Đông hoặc một nhóm Các Cổ Đông sở hữu từ một phần trăm (1%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền tự mình hoặc nhân danh Công Ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với Thành Viên HĐQT, Tổng giám đốc trong các trường hợp mà Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và pháp luật Việt Nam cho phép;
 - (k) và các quyền khác được quy định tại Điều Lệ này và pháp luật Việt Nam.
- 9.2. Quyền của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi khác thực hiện theo quyết định của ĐHĐCĐ và quy định Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và pháp luật Việt Nam.

9.3. Nghĩa vụ của Cổ Đông

- (a) thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua;
- (b) chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty;
- (c) không được rút vốn đã góp bằng cổ phần ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của Điều Lệ này.
- (d) tuân thủ Điều Lệ này và các quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
- (e) chấp hành nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và/hoặc HĐQT;
- (f) tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết của mình theo đúng quy định tại Điều Lệ này và pháp luật Việt Nam;
- (g) cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- (h) Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều Lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
- (i) Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- (j) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau: vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính của Công Ty;
- (k) và các nghĩa vụ khác được quy định tại Điều Lệ này, Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và quy định pháp luật khác.

ĐIỀU 10. CỔ PHIẾU

- 10.1. Cổ Phiếu là chứng chỉ do Công Ty phát hành dưới dạng chứng chỉ bằng văn bản hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu của Cổ Đông đối với một hoặc một số cổ phần của Công Ty. Cổ Phiếu có các nội dung chính theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.

- 10.2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức của Cổ Phiếu do Công Ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó sẽ không bị ảnh hưởng.
- 10.3. Trường hợp Cổ Phiếu bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, Công Ty sẽ cấp lại Cổ Phiếu cho Cổ Đông tương ứng khi nhận được văn bản cam kết của Cổ Đông đó đáp ứng yêu cầu của Công Ty về các nội dung: (1) Cổ Phiếu của Cổ Đông đó thật sự bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trong trường hợp bị mất, Cổ Đông phải cam đoan thêm là đã thực hiện mọi nỗ lực để tìm kiếm Cổ Phiếu bị mất và, nếu tìm được, Cổ Phiếu tìm lại được sẽ được ngay lập tức hoàn trả cho Công Ty để tiêu hủy; và (2) Cổ Đông đó sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ việc Công Ty cấp lại Cổ Phiếu mới.

Trước khi tiếp nhận đề nghị cấp một Cổ Phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công Ty có thể yêu cầu Cổ Đông đó đăng thông báo về việc Cổ Phiếu bị mất, rách, cháy, hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác. Sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày đăng thông báo, nếu không có bất kỳ sự từ chối nào khác, Công Ty sẽ phát hành Cổ Phiếu mới cho Cổ Đông đó.

ĐIỀU 11. PHÁT HÀNH CỔ PHẦN MỚI

Việc phát hành cổ phần mới nào cũng phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ, dưới hình thức phát hành ra công chúng, phát hành cổ phần riêng lẻ, hoặc bất kỳ hình thức phát hành nào theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 12. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

- 12.1. Cổ phần của Công Ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều Lệ này hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ khi thông qua phương án phát hành. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 12.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan đến số cổ phần này, bao gồm cả quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 13. MUA LẠI CỔ PHẦN VÀ THU HỒI CỔ PHẦN

- 13.1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ Đông:

- (a) Cổ Đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Các Cổ Đông quy định tại Điều Lệ này có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ các nội dung theo yêu cầu của Điều 132.1 Luật Doanh Nghiệp và phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại Điều này.
- (b) Công Ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ Đông quy định tại Điều 13.1 này trong chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu và với mức giá

như đã thỏa thuận giữa Cổ Đông đó và Công Ty. Trường hợp không thỏa thuận được về giá, thì các cổ phần đó sẽ được định giá bởi một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp độc lập được phép hoạt động tại Việt Nam.

13.2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công Ty

Công Ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây, trừ trường hợp tại Điều 13.4 của Điều Lệ này:

- (a) HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trong các trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định;
- (b) HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp tại điểm c Khoản này. Liên quan đến các cổ phần ưu đãi cổ tức, trừ khi có thỏa thuận khác giữa Công Ty và (Các) Cổ Đông có liên quan, giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
- (c) Công Ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ Đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công Ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công Ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ Đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải bao gồm tất cả các nội dung theo quy định tại Điều 133.3 Luật Doanh Nghiệp.
- (d) Cổ Đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công Ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Công Ty. Đề nghị chào bán phải bao gồm tất cả các nội dung như được quy định tại Điều 133.3 Luật Doanh Nghiệp. Công Ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

13.3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

- (a) Công Ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho Cổ Đông nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công Ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.
- (b) Tất cả các cổ phần được mua lại sẽ được coi là cổ phần chưa được bán. Công Ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công Ty mua lại theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
- (c) Cổ Phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ.
- (d) Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của Công Ty giảm hơn mười phần trăm (10%), thì Công Ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

- 13.4. Công Ty có quyền mua lại cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 14. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công Ty sẽ được tổ chức theo quy định tại Điều 137.1(a) Luật Doanh Nghiệp bao gồm ĐHĐCĐ, Ban Kiểm Soát, HĐQT và Ban Giám Đốc .

CHƯƠNG IV. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 15. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 15.1. ĐHĐCĐ gồm tất cả Các Cổ Đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty.
- 15.2. ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ thông qua các vấn đề sau:
- (a) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;
 - (b) Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - (c) Thông qua Báo cáo HĐQT;
 - (d) Thông qua Báo cáo Ban Kiểm Soát;
 - (e) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
 - (f) Số lượng Thành Viên HĐQT, Kiểm soát viên;
 - (g) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - (h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế Thành Viên HĐQT và Ban Kiểm Soát;
 - (i) Ngân sách hoặc tổng số tiền thù lao, thưởng và các lợi ích khác của các Thành Viên HĐQT và báo cáo tiền thù lao của HĐQT, Ban Kiểm Soát;
 - (j) Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ;
 - (k) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - (l) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công Ty và chỉ định người thanh lý;
 - (m) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của thành viên HĐQT, Kiểm Soát Viên gây thiệt hại cho Công Ty và Cổ Đông;

- (n) Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - (o) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - (p) Công Ty ký kết hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan theo quy định tại Điều 37 của Điều Lệ này;
 - (q) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho Thành Viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;
 - (r) Phê duyệt quy chế nội bộ về quản trị công ty; quy chế hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm Soát;
 - (s) Quyết định thay đổi chương trình hợp ĐHĐCĐ đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18 của Điều Lệ;
 - (t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
- 15.3. Trừ khi phạm điều cấm theo quy định pháp luật Việt Nam, ĐHĐCĐ có thể ủy quyền/giao quyền cho HĐQT thực hiện một hoặc một số quyền và/hoặc nhiệm vụ của mình. Nội dung ủy quyền/giao quyền phải được xác định rõ ràng và cụ thể.

ĐIỀU 16. TRIỆU TẬP CUỘC HỌP ĐHĐCĐ

- 16.1. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm dương lịch ít nhất một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
- 16.2. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được theo thời hạn nêu trên, Công Ty phải báo cáo UBCK bằng văn bản và phải tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên trong thời hạn hai (02) tháng tiếp theo. ĐHĐCĐ thường niên sẽ thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- (a) kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
 - (b) các báo cáo tài chính hằng năm;
 - (c) báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng Thành Viên HĐQT;
 - (d) báo cáo của Ban Kiểm Soát về kết quả kinh doanh của Công Ty, về kết quả hoạt động của HĐQT và Tổng Giám Đốc;
 - (e) báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát và của từng Kiểm Soát Viên;

- (f) mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; và
- (g) các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều Lệ này và quy định pháp luật liên quan.

16.3. HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- (a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;
- (b) Số Thành Viên HĐQT, hoặc Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- (c) Theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 9.1(i) của Điều Lệ này. Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông này phải đáp ứng yêu cầu của pháp luật;
- (d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát nếu Ban Kiểm Soát có lý do tin tưởng rằng các Thành Viên HĐQT hoặc thành viên của Ban Giám Đốc vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định Luật Doanh Nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- (e) Báo cáo tài chính quý, sáu (6) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất đi một nửa (1/2) so với số đầu kỳ; hoặc
- (f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

16.4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát rơi vào trường hợp được quy định tại Điều 16.3(b) trên đây hoặc từ ngày nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều 16.3(c) hoặc Điều 16.3(d) của Điều Lệ này.

Trong trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 16.4 của Điều Lệ này, trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó, Ban Kiểm soát sẽ thay thế HĐQT, triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều Lệ này.

Nếu HĐQT và/hoặc Ban Kiểm Soát không triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 16.4 của Điều Lệ này (tùy từng trường hợp), HĐQT và/hoặc Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và phải bồi thường bất kỳ thiệt hại/tổn thất phát sinh cho Công Ty.

16.5. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập cuộc họp theo quy định tại Điều 16.4 của Điều Lệ này thì Cổ Đông hoặc nhóm Các Cổ Đông theo quy định tại Điều 9.1(i) của Điều Lệ này có quyền đại diện cho Công Ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều Lệ này.

16.6. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức cuộc họp của ĐHĐCĐ:

- (a) lập danh sách Cổ Đông có quyền dự cuộc họp ĐHĐCĐ;
- (b) cung cấp thông tin và giải quyết các khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông;

- (c) lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - (d) chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - (e) dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu Thành Viên HĐQT hoặc Kiểm Soát Viên;
 - (f) xác định thời gian và địa điểm họp;
 - (g) gửi thông báo mời họp đến từng Cổ Đông có quyền dự họp theo quy định của Điều Lệ này; và
 - (h) các công việc khác phục vụ cuộc họp.
- 16.7. Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại các Điều 16.5 và 16.6 của Điều Lệ này với chứng từ chứng minh hợp lệ và đầy đủ sẽ được Công Ty hoàn trả.

ĐIỀU 17. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN

- 17.1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ Đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Nghị quyết ĐHĐCĐ thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ Đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ Đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 17.2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ Đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ Đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
- 17.3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 22, 23 và 24 Điều Lệ này.
- 17.4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

ĐIỀU 18. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐHĐCĐ

- 18.1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp.
- 18.2. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 9.1(i) của Điều Lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất ba (03) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm đầy đủ các nội dung theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp.
- 18.3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điều 18.2 của Điều Lệ này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- (a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ hoặc có nội dung không liên quan; hoặc
 - (b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
- 18.4. Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị được quy định tại Điều 18.2 của Điều Lệ này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ các trường hợp quy định tại Điều 18.3 của Điều Lệ này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.
- 18.5. Trong trường hợp cần thiết vì lợi ích của Công Ty, sau khi khai mạc họp ĐHĐCĐ, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 9.1(i) của Điều Lệ này, Chủ Tịch HĐQT, Thành Viên HĐQT, Tổng Giám Đốc có thể đề xuất vấn đề đưa thêm vào chương trình họp của ĐHĐCĐ. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

ĐIỀU 19. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP VÀ MỜI HỌP ĐHĐCĐ

- 19.1. Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty. Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ. Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ Đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- 19.2. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả các Cổ Đông trong danh sách Cổ Đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo đã được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
- 19.3. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho Cổ Đông bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ Đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ Đông đó đã cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty và UBCK, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công Ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.
- 19.4. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ Đông và/hoặc đăng trên website của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ Đông có thể tiếp cận, bao

gồm:

- (a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- (b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu Thành Viên HĐQT, Kiểm Soát Viên;
- (c) Phiếu biểu quyết;
- (d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; và
- (e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

19.5. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên phải có sự tham dự của các chủ thể sau:

- (a) Thành Viên HĐQT và Kiểm Soát Viên. Trường hợp bất khả kháng không tham dự được, Thành Viên HĐQT và Kiểm Soát Viên phải báo cáo bằng văn bản với HĐQT và Ban Kiểm Soát;
- (b) Đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty trong trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối.

ĐIỀU 20. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

20.1. Các Cổ Đông có quyền tham dự cuộc ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp Cổ Đông không xác định số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần và số phiếu bầu sẽ được chia đều cho người đại diện theo ủy quyền.

20.2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- (a) Trường hợp Cổ Đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ Đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp. Cổ Đông cá nhân chỉ được ủy quyền tối đa một (1) người đại diện;
- (b) Trường hợp Cổ Đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp. Cổ Đông tổ chức chỉ được ủy quyền tối đa ba (3) người đại diện.
- (c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp

trước khi vào phòng họp.

- 20.3. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).
- 20.4. Trừ trường hợp quy định tại Điều 20.3 trên, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- (a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;/
 - (b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - (c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

ĐIỀU 21. THỰC HIỆN QUYỀN DỰ HỌP ĐHĐCĐ

Một Cổ Đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

- (a) Cổ Đông đó tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- (b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- (c) Cổ Đông đó tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử nếu chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc nhận phiếu biểu quyết điện tử; hoặc
- (d) Cổ Đông gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Trong trường hợp này, phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ chỉ khi Công Ty nhận được phiếu biểu quyết đã phát ra của Công Ty và (i) có chữ ký của Cổ Đông đã được chứng thực bởi cơ quan nhà nước hoặc văn phòng công chứng có thẩm quyền trong trường hợp Cổ Đông cá nhân hoặc (ii) có chữ ký của người đại diện hợp lệ của Cổ Đông đã được đóng dấu công ty trong trường hợp Cổ Đông pháp nhân, chậm nhất một (1) ngày trước khi cuộc họp ĐHĐCĐ khai mạc.

ĐIỀU 22. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐHĐCĐ

- 22.1. Cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 22.2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp

ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- 22.3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ Đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.
- 22.4. Tất cả các cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được tiến hành, và tài liệu được chuẩn bị, bằng tiếng Việt và biên phiên dịch bằng Anh chỉ khi cần thiết.

ĐIỀU 23. THẺ THỨC TIẾN HÀNH VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ

- 23.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công Ty phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 23.2. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu phiếu biểu quyết, sau đó kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến cho từng vấn đề. Trong trường hợp phiếu biểu quyết tập hợp nhiều vấn đề và một hoặc một số vấn đề được coi là biểu quyết không hợp lệ, tính hợp lệ của biểu quyết của các vấn đề còn lại không bị ảnh hưởng. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
- 23.3. Cổ Đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ Đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 23.4. Chủ Tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các Thành Viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Biểm Soát điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

- 23.5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 23.6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong

muốn của đa số đại biểu tham dự.

23.7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- (a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- (b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ Đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- (c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) Ngày Làm Việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

23.8. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền yêu cầu các Cổ Đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ Đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có Cổ Đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ Đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất Cổ Đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

23.9. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng Cổ Đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ Đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

23.10. Trường hợp Công Ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, Công Ty có trách nhiệm đảm bảo để Cổ Đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.

ĐIỀU 24. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ TẠI CUỘC HỌP

24.1. Đối với các vấn đề sau đây, mọi nghị quyết của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua nếu được sự đồng ý của Các Cổ Đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ của tất cả Các Cổ Đông dự họp:

- (i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- (ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

- (iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;
 - (iv) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty; và
 - (v) Tổ chức lại, giải thể Công Ty;
- 24.2. Ngoại trừ trường hợp tại Điều 24.1, Điều 24.4, Điều 24.6, và Điều 26 của Điều Lệ này, mọi nghị quyết của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua nếu được sự đồng ý của Các Cổ Đông đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ của tất cả Các Cổ Đông dự họp.
- 24.3. Trong trường hợp phiếu biểu quyết bao gồm nhiều vấn đề, việc một hoặc một số vấn đề không được biểu quyết hợp lệ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các vấn đề khác.
- 24.4. Việc bầu cử Thành Viên HĐQT, Ban Kiểm Soát được thực hiện theo phương thức bầu thông thường. Theo đó, mỗi Cổ Đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần mình đại diện (bao gồm cổ phần mình sở hữu và/hoặc nhận ủy quyền); mỗi lần bầu cho một ứng cử viên là một lần biểu quyết và tại đó mỗi Cổ Đông có quyền sử dụng toàn bộ số biểu quyết của mình hoặc không sử dụng số biểu quyết nào để bầu ứng cử viên; số biểu quyết sử dụng tại lần biểu quyết trước không ảnh hưởng đến số biểu quyết được sử dụng tại lần biểu quyết sau. Người trúng cử Thành Viên HĐQT hoặc Kiểm Soát Viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều Lệ. Người trúng cử không buộc phải có trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số biểu quyết của toàn bộ Cổ Đông tham gia biểu quyết. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban Kiểm Soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.
- 24.5. Để làm rõ thêm, việc bãi nhiệm, miễn nhiệm bất kỳ Thành Viên HĐQT, Kiểm Soát Viên nào sẽ được thông qua nếu được sự đồng ý của Các Cổ Đông đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ của tất cả Các Cổ Đông dự họp hoặc theo quy định pháp luật hoặc Điều Lệ này.
- 24.6. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ Đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành, hoặc được Các Cổ Đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

ĐIỀU 25. BIÊN BẢN HỌP ĐHĐCĐ

- 25.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:
- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - (c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

- (d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- (e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
- (f) Số Cổ Đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ Đông, đại diện Cổ Đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- (g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ Đông dự họp;
- (h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- (i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- 25.2. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và, chỉ khi cần thiết, tiếng Anh. Nếu biên bản được dịch sang bất kỳ ngôn ngữ nào khác, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có bất kỳ xung đột nào với bất kỳ biên bản lập bằng ngôn ngữ khác.
- 25.3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được hoàn thành và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
- 25.4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.
- 25.5. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả Các Cổ Đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp hoặc được công bố trên website của Công Ty.
- 25.6. Biên bản họp ĐHĐCĐ, danh sách Các Cổ Đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

ĐIỀU 26. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ BẰNG VĂN BẢN

- 26.1. Ngoại trừ họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình (bao gồm cả sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều Lệ; định hướng phát triển Công Ty; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty; thông qua báo cáo tài chính hằng năm; hay tổ chức lại, giải thể Công Ty, bầu, miễn nhiệm, hoặc bãi nhiệm Thành Viên HĐQT và Ban Kiểm Soát) theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
- 26.2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải

trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ Đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều Lệ này.

26.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- (b) Mục đích lấy ý kiến;
- (c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ Đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện của Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông;
- (d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- (e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- (f) Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- (g) Họ, tên, chữ ký của Chủ Tịch HĐQT.

26.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

26.5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công Ty theo các hình thức sau:

- (a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- (b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

26.6. Các phiếu lấy ý kiến Công Ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

26.7. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm Soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- (b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;
 - (c) Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ Đông tham gia biểu quyết;
 - (d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - (e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (f) Họ, tên, chữ ký của Chủ Tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- 26.8. Các Thành Viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 26.9. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các Cổ Đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên website của Công Ty.
- 26.10. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- 26.11. Trong trường hợp phiếu lấy ý kiến tập hợp nhiều vấn đề và một hoặc một số vấn đề được coi là biểu quyết không hợp lệ, tính hợp lệ của biểu quyết của các vấn đề còn lại không bị ảnh hưởng.
- 26.12. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành

ĐIỀU 27. HIỆU LỰC CỦA NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ

- 27.1. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo cho Các Cổ Đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên website của Công Ty.
- 27.2. Một nghị quyết của ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc vào thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
- 27.3. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ Đông, Cổ Đông, nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 9.1(i) của Điều Lệ này, Thành Viên HĐQT, Ban Kiểm Soát hoặc Tổng Giám Đốc có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một

phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- (a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật và Điều Lệ, trừ trường hợp tại Điều 27.4 của Điều Lệ này; hoặc
- (b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ.

Trường hợp nghị quyết của ĐHĐCĐ bị yêu cầu hủy bỏ thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi tòa án có quyết định khác.

- 27.4. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ về bất kỳ vấn đề nào được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.

CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, VÀ BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 28. QUYỀN HẠN VÀ THẨM QUYỀN CỦA HĐQT

- 28.1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công Ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

- 28.2. HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- (a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty;
- (b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
- (c) Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc, thành viên của Ban Giám Đốc và quyết định mức lương của họ;
- (d) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám Đốc và thành viên của Ban Giám Đốc;
- (e) Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với thành viên của Ban Giám Đốc cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với thành viên đó;
- (f) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công Ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, bổ nhiệm và miễn nhiệm Giám đốc và các vị trí tương đương vị trí của các thành viên trong Ban Giám Đốc tại các công ty con, chi nhánh và văn phòng đại diện, và quyết định mức lương của họ
- (g) Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể Công Ty, hoặc yêu cầu phá sản Công Ty;
- (h) Quyết định quy chế nội bộ về quản trị Công Ty sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ Cổ Đông và các quy chế khác liên quan đến

hoạt động của Công Ty;

- (i) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHCĐ, triệu tập họp ĐHCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHCĐ thông qua quyết định;
- (j) Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- (k) Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- (l) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- (m) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu;
- (n) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công Ty lên ĐHCĐ;
- (o) Báo cáo ĐHCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám Đốc;
- (p) Thực hiện các công việc, thẩm quyền được ĐHCĐ ủy quyền/giao quyền lại;
- (q) Thành lập các tiểu ban của HĐQT;
- (r) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ;
- (s) Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các Cổ Đông và Công Ty. HĐQT có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công Ty hoặc phục vụ cho mục đích này;
- (t) Phê chuẩn các giao dịch, các khoản đầu tư nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám đốc và/hoặc Ban Giám Đốc đệ trình;
- (u) HĐQT có quyền phủ quyết quyết định của Tổng Giám Đốc và/hoặc Ban Giám Đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với Điều kiện phủ quyết đó có cơ sở;
- (v) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh Nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp phải do ĐHCĐ phê chuẩn, HĐQT quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công Ty;
- (w) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công Ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công Ty;
- (x) Phê chuẩn việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công Ty;

- (y) Phê chuẩn việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài, cử người đại diện theo ủy quyền tham gia HĐQT hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - (z) Phê chuẩn việc định giá tài sản góp vào Công Ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công Ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - (aa) Phê chuẩn việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - (bb) Phê chuẩn quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công Ty;
 - (cc) Phê chuẩn các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - (dd) Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - (ee) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT;
 - (ff) Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên;
 - (gg) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các Thành Viên HĐQT, Kiểm Soát Viên, thành viên Ban Giám Đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công Ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
 - (hh) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều Lệ, Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và pháp luật Việt Nam.
- 28.3. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo lên ĐHĐCĐ, báo cáo tài chính năm của Công Ty bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.
- 28.4. Trừ khi phạm điều cấm theo quy định pháp luật Việt Nam, HĐQT có thể ủy quyền/giao quyền cho Chủ Tịch HĐQT hoặc nhân viên cấp dưới hoặc thành viên của Ban Giám Đốc thực hiện một hoặc một số quyền, nhiệm vụ, và/hoặc chức năng của mình. Nội dung ủy quyền/giao quyền phải được xác định rõ ràng và cụ thể.
- 28.5. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Thành Viên HĐQT có các quyền sau:
- (a) Quyền yêu cầu thành viên Ban Giám Đốc và người quản lý Công Ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin.
 - (b) Quyền được nhận thù lao, tiền lương và lợi ích khác theo quy định dưới đây:
 - (i) Tổng mức thù lao cho HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các Thành Viên HĐQT theo quyết định của Chủ tịch

HĐQT;

- (ii) Tổng số tiền trả cho tất cả thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công Ty, công ty con, công ty liên kết của Công Ty và các công ty khác mà Thành Viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được lập thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty và Báo cáo thường niên Công Ty;
- (iii) Thành Viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc Thành Viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một Thành Viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT; và
- (iv) Thành Viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm Thành Viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

28.6. Thành Viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định của Điều Lệ, Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 29. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ CỦA HĐQT

29.1. Số lượng Thành Viên HĐQT là 07 (bảy) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

29.2. Tổng số Thành Viên độc lập HĐQT tối thiểu là hai (02) người. Một cá nhân chỉ được bầu làm Thành Viên độc lập HĐQT của Công Ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Số thành viên thường trú tại Việt Nam phải có tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số Thành Viên HĐQT.

29.3. Thành Viên HĐQT không còn tư cách Thành Viên HĐQT trong các trường hợp sau:

(a) Trường hợp miễn nhiệm Thành Viên HĐQT:

- i. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành Viên HĐQT theo quy định của pháp luật, quy chế của Công Ty hoặc bị luật pháp cấm không được làm Thành Viên HĐQT;
- ii. Chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

- iii. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - (b) Trường hợp bãi nhiệm Thành Viên HĐQT:
 - i. Bị rối loạn tâm thần và Thành Viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - ii. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - iii. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - iv. Cung cấp thông tin cá nhân sai nghiêm trọng khi gửi cho Công Ty với tư cách là ứng viên HĐQT.
 - (c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
- 29.4. Việc bổ nhiệm Thành Viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của Luật Chứng Khoán.
- 29.5. Thành Viên HĐQT có thể không phải là Cổ Đông của Công Ty.

ĐIỀU 30. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT

- 30.1. Các Cổ Đông được quy định tại Điều 9.1(h) của Điều Lệ này có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% trở lên đề cử đủ số ứng viên HĐQT.
- 30.2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên.

ĐIỀU 31. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 31.1. HĐQT lựa chọn trong số các Thành Viên HĐQT để bầu ra một Chủ Tịch HĐQT.
- 31.2. Chủ Tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:
- (i) lãnh đạo và bảo đảm sự hoạt động có hiệu quả của HĐQT;
 - (ii) lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - (iii) chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp HĐQT; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;

- (iv) tổ chức việc thông qua nghị quyết của HĐQT;
- (v) giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT;
- (vi) thường xuyên gặp gỡ Tổng Giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa HĐQT với Ban Giám đốc;
- (vii) xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của HĐQT;
- (viii) đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các Thành Viên HĐQT với Chủ Tịch HĐQT;
- (ix) chủ trì cuộc họp ĐHĐCĐ và cuộc họp HĐQT;
- (x) Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các Cổ Đông;
- (xi) Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của HĐQT, các bộ phận trực thuộc HĐQT và từng thành viên HĐQT;
- (xii) Tạo Điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập HĐQT hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên Điều hành và những thành viên không Điều hành trong HĐQT;
- (xiii) thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo ủy quyền hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ và/hoặc HĐQT;
- (xiv) các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều Lệ này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

31.3. Trường hợp Chủ Tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một Thành Viên HĐQT khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ Tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ Tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các Thành Viên còn lại bầu một người trong số các Thành Viên HĐQT tạm thời giữ chức Chủ Tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số.

31.4. Chủ Tịch HĐQT có thể bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quyết định của HĐQT. Trường hợp Chủ Tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày nhận đơn từ chức, bị bãi nhiệm, hoặc bị miễn nhiệm.

ĐIỀU 32. CUỘC HỌP VÀ NGHỊ QUYẾT HĐQT

32.1. Chủ Tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do Thành Viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ

phiếu bầu cao nhất thì các Thành Viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

32.2. Triệu tập họp HĐQT:

- (a) HĐQT có thể họp thường kỳ hoặc bất thường. HĐQT họp tại trụ sở chính của Công Ty hoặc tại địa điểm khác.
- (b) Cuộc họp thường kỳ của HĐQT được tổ chức ngay sau cuộc họp thường niên của ĐHCĐ, tương ứng với mỗi năm tài chính. Các cuộc họp thường kỳ bổ sung của Hội Đồng sẽ được tổ chức khi cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
- (c) Chủ Tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường khi có một trong các trường hợp như sau:
 - (i) Có đề nghị của Ban Kiểm Soát;
 - (ii) Có đề nghị của Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất ba (03) người của Ban giám đốc
 - (iii) Có đề nghị của ít nhất hai (02) Thành Viên HĐQT;
 - (iv) Có đề nghị của thành viên độc lập HĐQT;
 - (v) Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty, Chủ Tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty; và
 - (vi) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- (d) Chủ Tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được đề nghị theo quy định tại Điều 32.2(c) nêu trên.
- (e) Chủ Tịch HĐQT hay người khác triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất hai (02) Ngày Làm Việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định nội dung quy định tại Luật Doanh Nghiệp và phải gửi cùng với các tài liệu sử dụng tại cuộc họp và mẫu phiếu biểu quyết đến tất cả các Thành Viên HĐQT.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng Thành Viên HĐQT được đăng ký tại Công Ty.
- (f) Chủ Tịch HĐQT hoặc người triệu tập khác phải gửi thông báo mời họp cùng với các tài liệu đính kèm tới tất cả Kiểm Soát Viên theo cùng cách thức như đối với Thành Viên HĐQT. Kiểm Soát Viên có quyền dự các cuộc họp HĐQT và thảo luận nhưng không được biểu quyết.

32.3. Ủy quyền, điều kiện tiến hành cuộc họp HĐQT

- (a) Thành Viên HĐQT có quyền bổ nhiệm một người đại diện được ủy quyền thay mặt Thành Viên đó để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT, nếu được ít nhất một nửa Thành Viên HĐQT dự họp còn lại chấp thuận.
- (b) Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) Thành Viên HĐQT dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có quá bán Thành Viên HĐQT dự họp.

Trong trường hợp cuộc họp HĐQT lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành, cuộc họp HĐQT lần thứ ba sẽ được triệu tập trong thời hạn năm (5) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp HĐQT lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số Thành Viên HĐQT dự họp.

- (c) Thành Viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - (i) Thành Viên HĐQT đó tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (ii) Thành Viên HĐQT đó ủy quyền cho người khác đến dự và biểu quyết tại cuộc họp theo quy định tại Điều 32.3(a) trên đây;
 - (iii) Thành Viên HĐQT đó tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
 - (iv) Thành Viên HĐQT đó gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, hoặc thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ Tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- (d) Tất cả các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành, và tài liệu được chuẩn bị, bằng tiếng Việt, biên phiên dịch bằng tiếng Anh khi cần thiết.

32.4. Thông qua nghị quyết của HĐQT

- (a) HĐQT sẽ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi Thành Viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
- (b) Thành Viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty. Thành Viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

- (c) Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của Thành Viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của Thành Viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- (d) Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được quá bán Thành Viên HĐQT dự họp chấp thuận (nếu thực hiện biểu quyết tại cuộc họp) hoặc quá bán Thành Viên HĐQT (nếu thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản) chấp thuận. Trong trường hợp Nghị quyết của HĐQT chỉ có một nửa Thành Viên HĐQT chấp thuận, quyết định cuối cùng về việc có thông qua Nghị quyết của HĐQT thuộc về Chủ Tịch HĐQT.
- (e) Cổ Đông của Công Ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ Nghị quyết HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều Lệ gây thiệt hại cho Công Ty.

32.5. Biên bản họp HĐQT:

Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và lưu tại trụ sở chính của Công Ty theo quy định của Luật Doanh Nghiệp. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt, và, chỉ khi cần thiết, tiếng Anh. Nếu biên bản được dịch sang bất kỳ ngôn ngữ nào khác, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có bất kỳ xung đột nào với bất kỳ biên bản lập bằng ngôn ngữ khác. Biên bản họp sẽ được kiểm tra và được ký kết bởi các chủ tọa và người ghi biên bản, hoặc tất cả Thành Viên khác của HĐQT tham dự họp trong trường hợp chủ tọa và người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.

ĐIỀU 33. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 33.1. HĐQT bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công Ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể có nhiều nhiệm kỳ.
- 33.2. Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - (a) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty;
 - (b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của HĐQT.
- 33.3. HĐQT có thể bãi Nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty tùy từng thời điểm.
- 33.4. Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - (a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và Cổ Đông;

- (b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban Kiểm Soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban Kiểm Soát;
- (c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- (d) Tham dự các cuộc họp;
- (e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
- (f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm Soát Viên;
- (g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;
- (h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty;
- (i) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan; và
- (j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ, và quyết định của HĐQT.

ĐIỀU 34. BAN GIÁM ĐỐC

- 34.1. Ban Giám Đốc của Công Ty bao gồm Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính, và Kế Toán Trưởng. Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Thành viên của Ban Giám Đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định pháp luật khác.
- 34.2. HĐQT bổ nhiệm hoặc thuê người khác làm thành viên của Ban Giám Đốc.
- 34.3. Tổng Giám Đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty. Tổng Giám Đốc phải đạt tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán. Tổng Giám Đốc chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.
- 34.4. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng Giám Đốc hoặc bất kỳ thành viên nào của Ban Giám Đốc khi quá bán Thành Viên HĐQT tán thành.
- 34.5. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám Đốc được quy định như sau:
 - (a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty mà không cần phải có quyết định của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;
 - (b) Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;

- (c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;
- (d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
- (e) Tuyển dụng lao động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý khác của Công Ty, ngoại trừ những người thuộc phạm vi bổ nhiệm của HĐQT;
- (f) Đề xuất người, kiến nghị số lượng và các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm của HĐQT mà Công Ty cần thuê và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý này;
- (g) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên HĐQT;
- (h) Trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết hàng năm cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính;
- (i) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công Ty, ngoại trừ những người lao động thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT, lương và quyền lợi của những người này sẽ do HĐQT quyết định;
- (j) Được quyền quyết định và ký các hợp đồng hoặc giao dịch nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, ngoại trừ các giao dịch giữa các bên liên quan thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ hoặc HĐQT theo quy định tại Điều 37 của Điều Lệ này;
- (k) Chỉ đạo, giám sát và giao công việc cho các thành viên khác của Ban Giám Đốc;
- (l) Kiến nghị HĐQT về phương án trả cổ tức, sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; và
- (m) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều Lệ này, các quy chế nội bộ của Công Ty, nghị quyết của HĐQT tùy từng thời điểm, và hợp đồng lao động ký kết với Công Ty.

ĐIỀU 35. BAN KIỂM SOÁT

- 35.1. Ban Kiểm Soát có ba (03) Kiểm Soát Viên được bổ nhiệm bởi ĐHCĐ. Lương và các quyền lợi khác của Ban Kiểm Soát được quyết định bởi ĐHCĐ.
- 35.2. Nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên là năm (05) năm, và Kiểm Soát Viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các Kiểm Soát Viên phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định pháp luật khác.
- 35.3. Các Cổ Đông được quy định tại Điều 9.1(h) của Điều Lệ này có quyền gộp số quyền

biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm Soát. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 10% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 40% đến dưới 75% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 75% trở lên đề cử đủ số ứng viên Ban Kiểm Soát. Trường hợp số lượng ứng viên Ban Kiểm Soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm Soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên.

- 35.4. Các Kiểm Soát Viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm Soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm Soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty. Trưởng Ban Kiểm Soát có các quyền và nghĩa vụ theo quyết định của ĐHĐCĐ, Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định pháp luật khác.
- 35.5. Phải có hơn nửa (1/2) số Kiểm Soát Viên thường trú tại Việt Nam.
- 35.6. Trường hợp Kiểm Soát Viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm Soát Viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm Soát Viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm Soát Viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
- 35.7. Ban Kiểm Soát có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm như sau:
- (a) giám sát HĐQT và Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành Công Ty;
 - (b) kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - (c) thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ;
 - (d) rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công Ty;
 - (e) xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Các Cổ Đông quy định Điều 9.1(i) của Điều Lệ này;
 - (f) khi có yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Các Cổ Đông quy định tại Điều 9.1 (i) của Điều Lệ này, Ban Kiểm Soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm Việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm Soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và Cổ Đông hoặc nhóm Các Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm Soát quy định tại Điều 35.6 này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;

- (g) kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;
 - (h) khi phát hiện có Thành Viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, thành viên của Ban Giám Đốc vi phạm quy định của Điều Lệ này, và vi phạm pháp luật thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - (i) có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công Ty;
 - (j) có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công Ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - (k) Ban Kiểm Soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ; và
 - (l) Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;
 - (m) Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - (n) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát và trình ĐHĐCĐ thông qua;
 - (o) Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát tại ĐHĐCĐ thường niên;
 - (p) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều Lệ này và nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- 35.8. Ban Kiểm Soát phải họp ít nhất hai (2) lần trong một năm, và được tiến hành khi số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm Soát. Biên bản họp Ban Kiểm Soát được lập chi tiết, rõ ràng, và có đủ chữ ký của người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm Soát tham dự họp. Biên bản họp phải được ghi chép trung thực, đầy đủ nội dung họp và phải được lưu giữ theo quy định.
- 35.9. Kiểm Soát Viên có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp được quy định tại Luật Doanh Nghiệp.

ĐIỀU 36. NGHĨA VỤ CỦA NHÂN SỰ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Thành Viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm Soát, thành viên Ban Giám Đốc và có các nghĩa vụ sau đây:

- 36.1. thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật có liên quan, Điều Lệ này, nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của cấp trên và các chính sách

khác của Công Ty;

- 36.2. thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty;
- 36.3. trung thành với lợi ích của Công Ty và Các Cổ Đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công Ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- 36.4. thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công Ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối;
- 36.5. cùng với người có liên quan của mình không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan;
- 36.6. thông báo bằng văn bản cho HĐQT, Ban Kiểm Soát về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
- 36.7. chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra;
- 36.8. thực hiện các nghĩa vụ khác quy định theo Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, pháp luật và Điều Lệ này.

ĐIỀU 37. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

- 37.1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với các đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận theo quy định tại Điều 37.2 và Điều 37.3 dưới đây:
 - (a) Cổ Đông hoặc (những) người đại diện uỷ quyền của (Các) Cổ Đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của Công Ty và những người có liên quan của họ;
 - (b) Thành Viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và người có liên quan của họ;
 - (c) Thành viên Ban Kiểm Soát, người quản lý doanh nghiệp khác và người có liên quan của họ; và/hoặc
 - (d) Doanh nghiệp quy định tại Điều 164.2 của Luật Doanh Nghiệp.
- 37.2. Bất kỳ hợp đồng hay giao dịch theo quy định tại Điều 37.1 nào có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty phải có sự chấp thuận của HĐQT. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng phải thông báo HĐQT và Ban Kiểm Soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- 37.3. Các hợp đồng hoặc giao dịch thuộc Điều 37.1 nhưng không thuộc Điều 37.2 nêu trên,

hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và Cổ Đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ Đông đó, và hợp đồng, giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên phải có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng phải thông báo HĐQT và Ban Kiểm Soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ Đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ Đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

- 37.4. Hợp đồng, giao dịch được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điều 37 này sẽ bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật; người ký kết hợp đồng, Cổ Đông, Thành Viên HĐQT hoặc Tổng Giám Đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công Ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG VI. CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, VÀ CHI TRẢ CỔ TỨC

ĐIỀU 38. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 năm dương lịch và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó..

ĐIỀU 39. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

- 39.1. Chế độ kế toán Công Ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- 39.2. Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.
- 39.3. Công Ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công Ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

ĐIỀU 40. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

- 40.1. Công Ty sẽ giữ sổ sách kế toán và tài chính chính xác và các tài liệu liên quan được chuẩn bị theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn và thủ tục kế toán được chấp nhận chung, được áp dụng một cách nhất quán.
- 40.2. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công Ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập do ĐHĐCĐ lựa chọn thực hiện kiểm toán, soát xét

- 40.3. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công Ty phải được UBCK chấp thuận. ĐHĐCĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những Điều Khoản và Điều kiện thảo thuận với HĐQT. Trong cùng năm tài chính, Công Ty không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận trừ khi tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.
- 40.4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công Ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các Cổ Đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.
- 40.5. Công Ty phải lập, kiểm toán và công bố các báo cáo tài chính theo quy định của Luật Chứng Khoán cũng như quy định của UBCK.

ĐIỀU 41. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

- 41.1. ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công Ty.
- 41.2. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên. HĐQT lập danh sách Cổ Đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức.
- 41.3. Công Ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 41.4. HĐQT có thể kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.
- 41.5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ Đông cung cấp. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty đã chuyển cho Cổ Đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- 41.6. Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ Đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ Đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- 41.7. Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công Ty kinh doanh

có lãi.

- 41.8. Hàng năm, Công Ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây: Quỹ dự trữ bổ sung Vốn Điều Lệ; Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ; Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Các quỹ khác theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VII. TỔ CHỨC LẠI VÀ GIẢI THỂ

ĐIỀU 42. QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÔNG TY

Công Ty phải tuân thủ các quy định về hạn chế vay nợ, hạn chế cho vay, hạn chế đầu tư và các quy định khác về tài chính đối với công ty chứng khoán theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, quy định, quy chế nội bộ của Công Ty và các văn bản pháp luật khác.

ĐIỀU 43. TỔ CHỨC LẠI

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi của Công Ty phải thực hiện theo nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định pháp luật liên quan.

ĐIỀU 44. GIẢI THỂ

- 44.1. Công Ty sẽ bị giải thể trong các trường hợp sau:

- (a) Theo nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- (b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty bị thu hồi, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác; hoặc
- (c) Theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- 44.2. Các thủ tục thanh lý tài sản của Công Ty và giải thể Công Ty phải thực hiện theo pháp luật liên quan.

CHƯƠNG VIII. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

ĐIỀU 45. NGÀY HIỆU LỰC

Điều lệ này được sửa đổi và có hiệu lực từ ngày 13/01/2026 và thay thế toàn bộ điều lệ trước đây của Công Ty.

ĐIỀU 46. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 46.1. Tất cả tranh chấp phát sinh hoặc liên quan đến Điều Lệ này sẽ được giải quyết trước hết thông qua thương lượng hòa giải giữa các bên liên quan.
- 46.2. Trong trường hợp không thể giải quyết được bất kỳ vấn đề tranh chấp nào trong vòng ba mươi (30) Ngày Làm Việc kể từ ngày một bên thông báo về việc tranh chấp cho bên

- 46.2. Trong trường hợp không thể giải quyết được bất kỳ vấn đề tranh chấp nào trong vòng ba mươi (30) Ngày Làm Việc kể từ ngày một bên thông báo về việc tranh chấp cho bên còn lại, một trong các bên có quyền đưa tranh chấp giải quyết tại tòa án có thẩm quyền của Việt Nam.

ĐIỀU 47. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

- 47.1. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra sổ biên bản và nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm Soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công Ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của Cổ Đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ Đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
- 47.2. Thành Viên HĐQT, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và thành viên khác của Ban Giám Đốc có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty, danh sách Cổ Đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 47.3. Công Ty phải lưu Điều Lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT, các báo cáo của Ban Kiểm Soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ Đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
- 47.4. Điều Lệ Công Ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty.

ĐIỀU 48. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 48.1. Công Ty có thể có hơn một con dấu nếu phù hợp với quy định pháp luật. HĐQT được quyền quyết định số lượng, nội dung và hình thức thiết kế của con dấu. Tổng Giám Đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.
- 48.2. Bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc điều hành Công Ty, các quyền và nghĩa vụ Công Ty, Cổ Đông, ĐHĐCĐ, HĐQT, Thành Viên HĐQT, Ban Giám Đốc, thành viên của Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, thành viên của Ban Kiểm Soát và các nhân sự khác mà không được đề cập đến trong Điều Lệ này sẽ được điều chỉnh bởi Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và các thỏa thuận giữa các Cổ Đông liên quan và/hoặc Công Ty (nếu có).
- 48.3. Nếu bất kỳ điều khoản nào của Điều Lệ này bị xem là không hợp pháp, không có hiệu lực hoặc không thể thực hiện được, toàn phần hoặc một phần, theo bất kỳ quy định pháp luật nào, điều khoản đó hoặc phần đó không được xem là một phần của Điều Lệ này và phải được điều chỉnh ngay lập tức trong cuộc họp ĐHĐCĐ kế tiếp để đạt được sự đồng thuận của các Cổ Đông đối với điều khoản đó. Tính hợp pháp, hiệu lực và khả năng thực thi của những điều khoản còn lại của Điều Lệ này không bị ảnh hưởng.

- 48.4. Bất kỳ sửa đổi nào đối với Điều Lệ này phải được ĐHĐCĐ thông qua theo thủ tục quy định tại Điều Lệ này trừ sửa lỗi chính tả hoặc định dạng.
- 48.5. Các bản sao hoặc trích lục Điều Lệ Công Ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ Tịch HĐQT hoặc tối thiểu hai (2) Thành Viên HĐQT mới có giá trị.
- 48.6. Điều Lệ này được lập bằng tiếng Việt.

Chữ ký của NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



NGUYỄN THANH THẢO